TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2024/HC-PT
Ngày 30 tháng 01 năm 2024.
V/v Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: ÔngPhan Nhựt Bình

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ÔngĐỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 30tháng 01năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 930/2023/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc "Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2023/HC-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023của Toà án nhân dân tỉnh Bạc Liêubị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2024/QĐPT-HCngày tháng năm 2024,giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Thanh Q, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Minh T, sinh năm 1962. (có mặt)

Địa chỉ: Số A, Hẻm A, đường V, Khóm A, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

***Người đại diện theo ủy quyền**:* Ông Trần Ngọc Â, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Văn T1, sinh năm 1973, (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B khóm D, phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Trần Thanh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện - ông Trần Thanh Q và người đại diện theo ủy quyền của ông Q là ông Võ Minh T trình bày:

Trong tháng 3, tháng 4 năm 2022, ông Trần Thanh Q được ông Lý Anh T2, ông Triệu Minh P, ông Trần Thanh H, bà Trương Thị Si Đ, ông Lý Văn T3 thuê cải tạo đất tại nhà của 5 người này. Phần đất dư ra sau khi cải tạo thì 5 người này cho ông Q, ông Q chở đi lấp ao ở nhà ông Q và phần còn lại ông Q bán cho ông Nguyễn Hoàng N, ông Vũ Cao P1. Trong quá trình chở đất thì ông Q bị cơ quan có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính.Đếnngày 03/6/2022 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC xử phạt ông Q về hành vi khai thác khoáng sản (đất) làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản (đất) của cơ quan có thẩm quyền với tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm từ 50m^3 trở lên (1.006,376m^3).

Vì vậy, ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án án hủy toàn bộ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC ngày 03/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, cụ thể: Bồi thường tiền mất thu nhập từ nguồn hoạt động của xe mỗi ngày là 500.000đ; bồi thường tiền công lao động của người điều khiển xe bị thất nghiệp mức lao động của người lái xe mỗi ngày 400.000đ theo quy định của pháp luật kể từ ngày 07/4/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm bởi các lý do sau:

- Đất mà ông Q cải tạo là đất sản xuất nông nghiệp và đã được cấp quyền sử dụng đất cho cá nhân và ông Q là người được thuê cải tạo đất. Theo quy định tại các điều 10, 11 Luật đất đai năm 2013 đã quy định cụ thể về các nhóm đất và đất mà ông Q khai thác là thuộc nhóm đất sản xuất nông nghiệp được quy định từ Điều 129 đến Điều 142 Luật đất đai năm 2013. Và việc cải tạo đất của ông Q theo Điều 134 Luật đất đai năm 2013 là phù hợp. Nhóm đất phi nông nghiệp được quy định từ Điều 143 đến Điều 163 Luật đất đai năm 2013, trong đó Điều 152 Luật đất đai năm 2013 có quy định đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản.

Vì vậy, đất mà ông Q khai thác là đất nông nghiệp chứ không phải phi nông nghiệp nên không thuộc trường hợp khai thác khoáng sản.

- Tại Điều 134 Luật đất đai năm 2013 có quy định người dân có trách nhiệm cải tạo đất để tăng sản xuất. Tại điểm d khoản 2 Điều 121 Luật đất đai năm 2013 quy định về cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Do đó, đất nông nghiệp không có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất khoáng sản.

- Theo điểm b Điều 64 Luật khoáng sản, ông Q lấy đất nông nghiệp không nằm trong vùng quy hoạch và cũng không có giám định của cơ quan chuyên môn nên không có cơ sở kết luận đây là khoáng sản.

- Tại biên bản vi phạm hành chính ngày 7/4/2022 xác định khối lượng đất ông Q khai thác là 30,45 m^3 nhưng khi xử phạt lại là 1.006,376m^3 là không đúng quy định pháp luật.

- Ông Trương Văn T1- là người cho ông Q thuê xe để khai thác đất biết việc ông Q thuê xe để khai thác đất của các hộ dân sau đó đem đi bán cho ông P1, ông N. Như vậy, ông T1 có lỗi vì biết xe được sử dụng vào việc khai thác đất mà vẫn đồng ý. Từ đó, nếu có tịch thu thì chỉ tịch thu 02 xe của ông T1 chứ không thể buộc ông Q nộp giá trị của 02 xe như Quyết định xử phạt đã nêu.

Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu trình bày:

Đoàn kiểm tra liên ngành huyện được thành lập theo quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của Chủ tịch U để kiểm tra xử lý khai thác khoáng sản lớp đất mặt làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn huyện.

Đến ngày 7/4/2022, đoàn kiểm tra liên ngành huyện tiến hành kiểm tra và phát hiện ông Trần Thanh Q có tổ chức khai thác khoáng sản tại ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, đã thuê các đối tượng là ông Lý Văn K lái xe cuốc, ông Tào Văn H1 điều khiển xe tải biển kiểm soát 94C-042.29, ông Phan Văn M điều khiển xe tải biển kiểm soát 69C-010.99 khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan có thẩm quyền.

Qua kết quả xác minh của Đoàn kiểm tra liên ngành huyện thì ông Trần Thanh Q đã thừa nhận hành vi khai thác khoáng sản của 05 hộ dân gồm Lý Anh T2, Triệu Minh P, Trần Thanh H, Trương Thị Si D, Lý Văn T3 với khối lượng 1.009,376m^3. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hiện đoàn kiểm tra liên ngành đã yêu cầu buộc ông Q đổ trả lại hiện trạng ban đầu là 3m^3 đất trên xe, vì vậy khối lượng khoáng sản (đất) mà ông Trần Thanh Q đã lấy khỏi vị trí khai thác là 1.0006,376m^3.

Ông Trần Thanh Q khai báo việc sau khi khai thác khoáng sản trên thì thuê xe chở về bán cho hai người tên Nguyễn Hoàng N và Vũ Cao P1 san lấp nền tại ấp C, xã H, và san lấp phần đất của gia đình ông Trần Thanh Q tại ấp S, xã H, huyện V (tại các nơi khai thác và nơi tập kết bán khoáng sản đã được cơ quan có thẩm quyền lập biên bản đo đạc và ông Trần Thanh Q có kí xác nhận đúng số lượng).

Hành vi của ông Q đã vi phạm quy định tại điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ, mức tiền phạt là từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 61 Luật khoáng sản và Văn bản 2340/ĐCKS-KSMB ngày 23/8/2021 của T4 "về việc hướng dẫn xác định và xử lý vi phạm hành chính đối v ới việc khai thác đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản ngoài phạm vi quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân và tận thu sản phẩm đất sau nạo vét, khởi thông luồng lạch dùng san lấp".

- Căn cứ Điều 5 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ (đã được sửa đổi bổ sung tại khoảng 3 Điều 2 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị đình về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc bản đồ) quy định mức phạt tiền vi phạm tại điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định này là mức phạt đối với cá nhân.

- Căn cứ khoản 2 Điều 64 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ (đã sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 30 Điều 2 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về sửa đổi bổ dung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc bản đồ) quy định thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp huyện.

- Căn cứ Công văn số 114/ĐCKS-KSMB ngày 14/01/2021 của T4 đã xác định hoạt động khai thác đất nêu trên để "chuyển đi nơi khác bán cho người dân trong vùng để san lấp mặt bằng" là hành vi vi phạm pháp luật được xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 4 Điều 43 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

Vì vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC ngày 03/6/2022 đối với ông Trần Thanh Q là đúng quy định nên không đồng ý huỷ quyết định và bồi thường theo yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Trương Văn T1 trình bày:

Ông và ông Trần Thanh Q có quan hệ quen biết ngoài xã hội. Thời gian trước đây ông có cho ông Q thuê xe 01 xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu CUULONG, biển số 94C-042.29, màu sơn xanh, số máy YC4D120-21D1204900174, số khung RRT09060D92A00028 và 01 xe cuốc hiệu HITACHI, model UH025-7, số khung 104-8150. Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/5/2022 có nội dung "*Quyền đã yêu cầu thuê phương tiện của tôi gồm xe cuốc, xe ủi, một chiếc xe ben để lấy đất gò (đất ruộng) lấp nền cho* Q *nên tôi đã hợp tác với Quyền trên cơ sở bằng miệng chứ không có giấy tờ văn bản. Quyền giao kết với tôi tiền thuê phương tiện xe cuốc xe ủi, xe ben, tài xế tôi tự chi trả, Quyền trả cho tôi mỗi chuyến xe là 250.000đ. Sau khi san lấp đắp nền cho* Q *xong thấy đất của nhiều hộ dân cho (đất gò) còn nhiều, Quyền có nhận san lấp đất nền cho ông* P1*, ông* N *để kiếm tiền xăng dầu, sau đó tôi tiếp tục hoạt động san lấp mặt bằng cho ông* P1 *và ông* N *cho đến khi bị cơ quan chức năng bắt giữ*", việc ghi lời khai như vậy là không chính xác ý của ông, cán bộ ghi lời khai đã không ghi hết ý của ông, ông chỉ nghe ông Q kể lại việc khai thác đất để bán cho người khác chứ thực tế ông không biết ông Q có bán hay không.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2023/HC-ST ngày07tháng 7 năm 2023, Toà án nhân dân tỉnh Bạc Liêu quyết định:

- Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật Tố tụng hành chính;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 6, Điều 26, khoản 2 Điều 38, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020;

- Căn cứ Điều 2 Luật Khoáng sản năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2018;

- Căn cứ Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

- Căn cứ Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh Q *về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC ngày 03/6/2022 của Chủ tịch* Ủy ban nhân dân huyện V*, tỉnh Bạc Liêu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.*

2. Hủy một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC ngày 03/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V*, tỉnh Bạc Liêu đối với phần hình phạt bổ sung liên quan đến việc buộc ông* Q *phải nộp vào ngân sách Nhà nước giá trị quy đổi của 02 chiếc xe (01 xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu CUULONG, biển số 94C-042.29, màu sơn xanh, số máy YC4D120-21D1204900174, số khung RRT09060D92A00028 và 01 xe cuốc hiệu HITACHI, model UH025-7, số khung 104-8150) với số tiền 445.000.000đ.*

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh Q *đối với yêu cầu Chủ tịch* Ủy ban nhân dân huyện V *bồi thường thiệt hại về tài sản, cụ thể: Bồi thường tiền mất thu nhập từ nguồn hoạt động của xe mỗi ngày là 500.000đ; bồi thường tiền công lao động của người điều khiển xe bị thất nghiệp mức lao động của người lái xe mỗi ngày 400.000đ theo quy định của pháp luật kể từ ngày 07/4/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/7/2023, ông Trần Thanh Q kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC ngày 03/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, ông Võ Minh T **trình bày:** Ông Qkhông đồng ý xử phạt theo căn cứ Nghị định 36, vì ông Q sử dụng đất chỉ phục vụ mục đích san lấp. Các hộ dân đều thực hiện để tăng diện tích đất trồng lúa, lấp đất ao đìa chứ không phải lấp đất nền hay đất ở. Bản chất là sử dụng đất sản xuất nông nghiệp. Việc ông Q đem đất đi nơi khác thì địa phương chưa có sự cảnh báo hay giáo dục, ông Q không biết và cũng không cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cũng đã xác định việc xử phạt hành vi này theo Nghị định 191. Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại các vấn đề, sửa một phần Bản án sơ thẩm, hủy toàn bộ Quyết định

xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC ngày 03/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủđúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ông Q đã có hành vi khai thác khoáng sản khoảng hơn một ngàn mét khối đất, sau khi khai thác ông Q thuê xe chở đi bán cho các đối tượng có nhu cầu tại huyện V. Cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành xác minh, đo đạc và ông Q xác nhận đúng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và xét xử đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Q, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí, đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của người khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC ngày 03/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V:

Ông Trần Thanh Q đã thừa nhận trong khoảng thời gian tháng 3, tháng 4 năm 2022 ông Q đã có hành vi khai thác khoáng sản của 05 hộ dân gồm Lý Anh T2, Triệu Minh P, Trần Thanh H, Trương Thị Si D, Lý Văn T3 với khối lượng 1.009,376m3.

Hành vi của ông Trần Thanh Q vi phạm vào điểm e khoản 1 Điều 47 của Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản với khung xử phạt *"Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng khi tổng khối lượng khoáng sản*

đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm từ 50m^3 trở lên". Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 64 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ) quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V có thẩm quyền xử phạt: *"b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính"*. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Thanh Q là đúng thẩm quyền.

[2.2] Về thời hạn ban hành Quyết định: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản này mà đặc biệt nghiêm trọng có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 02 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Ngày 7/4/2022, Đoàn kiểm tra liên ngành xử lý tình trạng khai thác khoáng sản (lớp đất mặt) làm vật liệu xây dựng thông thường lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi của ông Trần Thanh Q. Đến ngày 03/6/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC ngày 03/6/2022 đối với ông Trần Thanh Q là 01 tháng 26 ngày. Do vụ việc vi phạm của ông Trần Thanh Q thuộc trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ như xác minh chủ sở hữu phương tiện vi phạm, định giá phương tiện vi phạm. Vì vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính vào ngày 3/6/2022 là vẫn còn trong thời hạn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

[2.3] Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định: Biên bản vi phạm hành chính lập ngày 7/4/2022 được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung năm 2020. Ngày 18/7/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC và tống đạt hợp lệ cho ông Trần Thanh Q. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

[2.4] Về hình thức ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC ngày 3/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu là đúng theo quy định tại Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

[2.5] Về căn cứ ban hành Quyết định:

Vào lúc 11 giờ 40 phút, ngày 7/4/2022, Đoàn kiểm tra liên ngành xử lý tình trạng khai thác khoáng sản (lớp đất mặt) làm vật liệu xây dựng thông thường kiểm tra phát hiện tại phần đất ruộng của ông Lý Anh T2 tại ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, ông Trần Thanh Q có tổ chức khai thác khoáng sản, đã thuê các đối tượng là ông Lý Văn K lái xe cuốc, ông Tào Văn H1 điều khiển xe tải biển kiểm soát 94C-042.29, ông Phan Văn M điều khiển xe tải biển kiểm soát 69C-010.99 khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan có thẩm quyền.

Ông Trần Thanh Q thừa nhận đã có hành vi khai thác đất với khối lượng 1.009,376m^3 và thuê xe chở về bán cho hai người tên Nguyễn Hoàng N và Vũ Cao P1 san lấp nền tại ấp C, xã H, huyện V, và san lấp phần đất của gia đình ông Q tại ấp S, xã H, huyện V (tại các nơi khai thác và nơi tập kết bán khoáng sản đã được cơ quan có thẩm quyền lập biên bản đo đạc và ông Trần Thanh Q có ký xác nhận đúng số lượng).

Qua làm việc với anh Vũ Cao P1 và Nguyễn Hoàng N thì anh P1, anh N đã thừa nhận việc thoả thuận với ông Trần Thanh Q san lấp nền trên đất trồng lúa tại ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Số tiền mà mà anh P1 đã trả cho ông Q là 24.000.000đ, anh N đã trả cho ông Q là 15.800.000đ.

Cơ quan chuyên môn, xác định tổng khối lượng khoáng sản (đất) do ông Q khai thác là 1.009,376m3.

Tại phiên tòa, đại diện ông Trần Thanh Q thừa nhận có hành vi khai thác đất của 05 hộ dân gồm Lý Anh T2, Triệu Minh P, Trần Thanh H, Trương Thị Si D, Lý Văn T3 với khối lượng 1.009,376m^3 đem đi san lấp đất tại nhà ông Q, đem bán cho anh N, anh P nhưng ông Q cho rằng hành vi của ông là không vi phạm hoạt động khai thác khoáng sản trái phép theo quy định pháp luật, bởi vì theo ông Q thì đất mà ông Q khai thác là đất nông nghiệp chứ không phải phi nông nghiệp nên không thuộc trường hợp khai thác khoáng sản. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Điều 2 Luật Khoáng sản năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định *"Khoáng sản là khoáng vật, khoáng chất có ích được tích tụ tự nhiên ở thể rắn, thể lỏng, thể khí tồn tại trong lòng đất, trên mặt đất, bao gồm cả khoáng vật, khoáng chất ở bãi thải của mỏ"* và tại khoản 1 Điều 64 quy định vật liệu xây dựng thông thường gồm: *"Đất sét làm gạch, ngói theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam, các loại sét (trừ sét bentonit, sét kaolin) không đủ tiêu chuẩn sản xuất gốm xây dựng, vật liệu chịu lửa samot, xi măng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam"*. Đồng thời, tại Công văn số 114/ĐCKS-KSMB ngày 14/01/2021 của T4 hướng dẫn xác định và xử lý vi phạm đối với việc khai thác đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản và khai thác đất trong phạm vi công trình dự án và Công văn số 2340/ĐCKS-KSMB ngày 23/8/2021 của

T4hướng dẫn xác định và xử lý vi phạm đối với việc khai thác đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản ngoài phạm vi quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân và tận thu sản phẩm đất sau nạo vét, khơi thông luồng lạch dùng san lấp cũng xác định *"đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (dùng cho mục đích san lấp)"*. Do đó, khối lượng đất ông quyền khai thác nêu trên được xác định là khoáng sản.

Tại khoản 2 Điều 51 Luật Khoáng sản quy định *"hộ kinh doanh đăng ký kinh doanh ngành nghề khai thác khoáng sản được khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, khai thác tận thu khoáng sản"*. Tại thời điểm Đoàn kiểm tra liên ngành phát hiện và lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Trần Thanh Q cũng như đến nay thì ông Q không cung cấp được giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đồng thời, khối lượng đất mà ông Q khai thác lại của nhiều hộ, xác định được tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm là 1.006,376m^3. Theo điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản quy định xử phạt *"Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng khi tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm từ 50m^3 trở lên"* đối với hành vi vi phạm về khai thác khoáng sản (trừ cát, sỏi lòng sông, suối, hồ) mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do đó, hành vi của ông Q đã vi phạm quy định tại điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

[2.6] Xét hình phạt bổ sung của quyết định bị kiện:

Đối với 01 (một) xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu TRUONG GIANG, biển số 69C-010.99, màu sơn xanh, số máy YC4E135-21*E0273A01664*, số khung RNNTD51D4ACD00059, tại thời điểm vi phạm, phương tiện nêu trên do ông Trần Thanh Q chủ sở hữu nên bị tịch thu là đúng theo quy định tại Điều 26 Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 4 Điều 47 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính Phủ (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ).

[2.7] Xét hình thức xử phát đối với biện pháp khắc phục hậu quả: Theo điểm c khoản 5 Điều 47 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ) của Chính P2 quy định *"buộc thực hiện các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn"* và *" buộc nộp lại số tiền bằng giá trị tang vật là khoáng sản có được do thực hiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2*

và khoản 3 Điều này trong trường hợp đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu huỷ trái quy định pháp luật". Do đó, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC ngày 3/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu buộc ông Trần Thanh Q thực hiện giải pháp cải tạo khu vực đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn và buộc ông Trần Thanh Q nộp lại số tiền bằng giá trị tang vật là khoáng sản (đất) với khối lượng 1.006,376m3 có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính với giá trị thành tiền bằng 150.956.000đ là đúng quy định pháp luật.

[2.8] Đối với 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu CUULONG, biển số 94C-042.29, màu sơn xanh, số máy YC4D120-21D1204900174, số khung RRT09060D92A00028 và 01 xe cuốc hiệu HITACHI, model UH025-7, số khung 104-8150, các tài sản này tuy ông Q thuê từ ông Trương Văn T1, nhưng ông T1 lại biết việc ông Q thuê xe để khai thác đất bán cho các hộ dân khác. Tại khoản 1 Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định *"...Trường hợp chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp có lỗi cố ý trong việc để người vi phạm sử dụng tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 26 của Luật này thì tang vật, phương tiện đó bị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước"*. Tuy nhiên, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC ngày 3/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V lại buộc ông Q phải nộp vào ngân sách Nhà nước giá trị quy đổi của 02 chiếc xe với số tiền 445.000.000đ mà không xử phạt bằng hình thức tịch thu 02 chiếc xe nêu trên là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh Q, hủy một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC ngày 03/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đối với phần hình phạt bổ sung về việc buộc ông Q phải nộp vào ngân sách Nhà nước giá trị quy đổi của 02 chiếc xe với số tiền 445.000.000đ và nội dung này không có kháng cáo, kháng nghị.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông Trần Thanh Q đã có hành vi vi phạm khai thác khoáng sản không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Từ đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC ngày 3/6/2022 cơ bản là đúng quy định của pháp luật và như đã nhận định tại mục [2.8] thì chỉ có phần nội dung trong quyết định buộc ông Q phải nộp vào ngân sách Nhà nước giá trị quy đổi của 02 chiếc xe với số tiền 445.000.000đ là chưa phù hợp, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Q, hủy phần nội dung này. Đối với các nội dung khác của quyết định, như

đã nhận định trong các nội dung nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Q là có căn cứ.

[2.9] Xét các việc ông Q1 yêu cầu Chủ tịch UBND huyện V bồi thường thiệt hại: Như đã phân tích tại các mục [2.1] đến [2.7] thì thấy ông Q1 có hành vi khai thác trái phép khoáng sản (đất), nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC ngày 03/6/2022 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản là đúng quy định pháp luật đối với nội dung hình phạt chính và biện pháp khắc phục hậu quả. Do đó, ông Q1 yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V bồi thường cho ông Q1 tiền mất thu nhập từ nguồn hoạt động của xe mỗi ngày là 500.000đ; bồi thường tiền công lao động của người điều khiển xe bị thất nghiệp mức lao động của người lái xe mỗi ngày 400.000đ kể từ ngày 07/4/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tình tiết trong vụ án, xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh Q là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Q1. Về nội dung phần quyết định của bản án sơ thẩm, do Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chưa được rõ ràng nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cách tuyên cho phù hợp với đường lối giải quyết vụ án như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Q không được chấp nhận nên ông Q phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 6, Điều 26, khoản 2 Điều 38, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020;

- Căn cứ Điều 2 Luật Khoáng sản năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2018;

- Căn cứ Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

- Căn cứ Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của ông Trần Thanh Q; sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh Q về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC ngày 03/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh Q đối với yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21/QĐ-XPVPHC ngày 03/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đối với các nội dung khác ngoài phần nội dung về hình phạt bổ sung liên quan đến việc buộc ông Q phải nộp vào ngân sách Nhà nước giá trị quy đổi của 02 chiếc xe (01 xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu CUULONG, biển số 94C-042.29, màu sơn xanh, số máy YC4D120-21D1204900174, số khung RRT09060D92A00028 và 01 xe cuốc hiệu HITACHI, model UH025-7, số khung 104-8150) với số tiền 445.000.000đ.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh Q đối với yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V bồi thường thiệt hại về tài sản, cụ thể: Bồi thường tiền mất thu nhập từ nguồn hoạt động của xe mỗi ngày là 500.000đ; bồi thường tiền công lao động của người điều khiển xe bị thất nghiệp mức lao động của người lái xe mỗi ngày 400.000đ theo quy định của pháp luật kể từ ngày 07/4/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

5. Về án phí:

5.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Thanh Q không phải nộp. Số tiền ông Trần Thanh Q đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000294 ngày 29 tháng 11 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại cho ông Q.

5.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Thanh Q phải chịu 300.000đ. Số tiền ông Q đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000482 ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được khấu trừ vào tiền án phí ông Q phải nộp.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TANDtỉnh Bạc Liêu; (1)
- VKSNDtỉnh Bạc Liêu; (1)
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (2)
- NCQLNVLQ; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- LMA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Huynh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Nhựt Bình **Phan Tô Ngọc** **Vũ Ngọc Huynh**